Số: 31/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-04-08T15:51:00+07:00

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG NHIỆM VỤ THUỘC LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

(*Ban hành kèm theo Quyết định số* 31 */2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

I. Cây lương thực (7 định mức)

1. Mô hình nhân giống Lúa cấp nguyên chủng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤5 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Tùy theo yêu cầu thực tế của mô hình
2	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống siêu nguyên chủng	Kg	40	QCVN 01-54: 2011/TTBNNPTNT	Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	80	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.000		
6	Thuốc BVTV	Kg/lít	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

2. Mô hình nhân giống lúa chất lượng (cấp xác nhận)

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp.	Tính ≤10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Tùy theo yêu cầu thực tế của mô hình
2	Máy phun thuốc BVTV	máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống nguyên chủng	Kg	80	QCVN 01-54: 2011/TTBNNPTNT	Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	80	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.000		
6	Thuốc BVTV	Kg/lít	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

3. Mô hình sản xuất lúa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (3 giảm 3 tăng; 1 phải năm giảm; 1 phải 6 giảm)

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Tùy theo yêu cầu thực tế của mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	70	Giống cấp xác	Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	80	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.000		
6	Thuốc BVTV	Kg/lít	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

4. Mô hình sản xuất lúa hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 10 ≤ 15 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy phun thuốc	Máy	01		
4	Đào tạo, tư vấn, đánh giá chứng nhận	Lần	01	- Nghị định số 109/2018/NĐ- CP, ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ - TCVN 11041-2:2017	

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	80	Cấp xác nhận	

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)			- TCVN 11041-2:2017	- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành - Phân hữu cơ: hỗ trợ liên tiếp 3 vụ để thực hiện chuyển đổi sản xuất. - Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và điều kiện canh tác của địa phương
	- Sản xuất vụ thứ nhất	Kg	1.500		
	- Sản xuất vụ thứ hai	Kg	1.200		
	- Sản xuất vụ thứ ba	Kg	600		
3	Phân bón lá hữu cơ	Lít	06		
4	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	4		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

5. Mô hình sản xuất lúa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật thâm canh tổng hợp (máy cấy; máy sạ lúa theo khóm/cụm...)

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức cho 20 ha

TT	Hạng mục thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Tùy theo mục đích xây dựng, hạng mục thiế bị máy móc thích hợp được chọn để thực hiện
2	Khâu gieo cấy				
-	Máy sạ hàng/khóm/cụm	Máy	01		
-	Máy cấy	Máy	01		
-	Máy phun thuốc	Máy	01		
3	Máy gặt đập liên hợp	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Cấp xác nhận	
2	Phân hữu cơ vi sinh			- TCCS - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Áp dụng theo mô hình sản xuất thực tế
3	Phân đạm nguyên chất (N)				
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)				
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)				
6	Thuốc BVTV				

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

6. Mô hình ứng dụng máy móc, thiết bị trong sản xuất lúa

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức cho 20 ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy phun hạt giống, phân, thuốc BVTV (máy tích hợp)	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Tùy theo mục đích xây dựng, hạng mục thiệt bị máy móc thích hợp
2	Máy cấy (công suất nhỏ)/ công suất lớn	Máy	01		
3	Máy sản xuất mạ khay	Máy	01		

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	Thiết bị san phẳng mặt ruộng bằng tia lazer	Máy	01		được chọn để thực hiện -Theo điều kiện thực tế của địa phương
5	Máy sạ định vị như cấy công suất nhỏ (máy sạ theo khóm	Máy	01		
6	Máy sạ định vị như cấy công suất lớn (máy sạ theo khóm)	Máy	01		
7	Thiết bị bay không người lái (máy bay nông nghiệp): phun dung dịch dinh dưỡng, thuốc bảo vệ thực vật… rải giống, phân bón…	Máy	01	- Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 830: 2022/BVTV khảo nghiệm trên đồng ruộng thuốc bảo vệ thực vật phòng chống sinh vật gây hại cây trồng bằng thiết bị bay không người lái - Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Áp dụng theo thực tế sản xuất
2	Vật tư				

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo	01 hội thảo/ 01 MH		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01 Bảng/MH/01 MH		

7. Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, giảm phát thải

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 10 ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án, mô hình	
2	Khâu gieo cấy:				
	Thiết bị sạ (hàng/cụm)				
	Máy trộn đất				
	Máy gieo hạt				
	Máy cấy				
	Máy phun thuốc bảo vệ thực vậ				
3	Máy gặt đập liên hợp				

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	Máy thu gom rơm				
5	Máy đo khí metan (CH_4), khí carbonic (CO_2)			Theo công bố của nhà sản xuất	Phù hợp với quy mô dự án, mô hình
6	Cảm ứng mực nước ruộng thông minh			Theo công bố của nhà sản xuất	Phù hợp với quy mô dự án, mô hình

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Giống lúa	Kg	70	Từ cấp xác nhận trở lên
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	40	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40	
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.500	
6	Chế phẩm nấm đối kháng *Trichoderma*	Kg	40	
7	Vôi bột	Kg	300	
8	Thuốc bảo vệ thực vật			Đảm bảo yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành và theo quy trình kỹ thuật, quy mô dự án, mô hình
9	Vật rẻ tiền mau hỏng phục vu sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày			
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

II. Cây ăn trái (29 định mức)

1. Mô hình trồng, thâm canh cam, quýt theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	09	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức tính cho 1 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản (năm thứ 1 + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	1.200	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	60		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	165,6	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương - Lượng vật tư sử dụng cho từng năm; - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	208		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
	6	Phân sinh học	Lít	20	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	1.200		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	8	TCCS	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	220,8	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	240		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	390		
	4	Phân sinh học	Lít	30	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	10	TCCS	
Kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	276	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	240		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360		
	4	Phân sinh học	Lít	45	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	10	TCCS	

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
						mức bón theo quy trình của loại phân bón đó

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-0.3		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

2. Mô hình trồng, thâm canh cam Sành theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	09	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 05ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức tính cho 1 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản (năm thứ 1 + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	3.000	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	150		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	414	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Lượng vật tư sử dụng cho từng năm - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	520		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	600		
	6	Phân sinh học	Lít	50	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	3.000		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	20	TCCS	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	552	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	600		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	750		
	4	Phân sinh học	Lít	74	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	24	TCCS	

Kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	690	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	của loại phân bón đó - Theo điều kiện canh tác của địa phương
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	600		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	900		
	4	Phân sinh học	Kít	112,5	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	25	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

3. Mô hình trồng, thâm canh bưởi theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	09	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản (năm thứ 1 + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	500	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	25		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương - Lượng vật tư sử dụng cho từng năm; - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng; - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	6	Phân sinh học	Lít	15	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	500		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	TCCS	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	138	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
						bón theo quy trình của loại phân bón đó
	4	Phân sinh học	Lít	25	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS	
Kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	147,2	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	138		
	4	Phân sinh học	Lít	30	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

4. Mô hình trồng, thâm canh cam, quýt hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	09	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	05ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ; tham khảo tài liệu tập huấn nông nghiệp hữu cơ (Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm nghiệm FAO)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức tính cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	1. Giống trồng mới	Cây	1.200	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	60		
	3. Giống cây phân xanh, cây họ đậu trồng xen làm cây che phủ đất	Kg	100		Trường hợp nhà vườn sử dụng các loại cây

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất	4. Giống cây trồng vùng đệm: cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:			TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ	trồng khác (vườn cây ăn trái, cây lấy gỗ, cây rau màu...) phù hợp theo yêu cầu sản xuất hữu cơ thì không hỗ trợ
	4.1 Giống cây so đũa, khuynh diệp...	Cây	200		
	4.2 Giống cây gừng, sả...	Kg	30		
	5. Phân hữu cơ:				- Theo điều kiện canh tác của địa phương
	5.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	5.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	80		
	5.3 Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	350		
	6. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	5		
Chăm sóc năm thứ hai	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	100		
	1.3 Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	400		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		
Chăm sóc năm thứ ba	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	120		
	1.3. Phân khoáng hữu	Kg	450		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	cơ (bón qua rễ)				
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	7		
Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ, cây trồng trong giai đoạn năm thứ 2 đến giai đoạn kinh doanh; chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	150		
	3.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	500		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	10		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

5. Mô hình trồng, thâm canh bưởi hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính ≤05ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ			

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	1. Giống trồng mới	Cây	500	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	25		
	3. Giống cây phân xanh, cây họ đậu (lạc dại) trồng xen làm cây che phủ đất	Kg	100		Trường hợp nhà vườn sử dụng các loại cây trồng khác (vườn cây ăn trái, cây lấy gỗ, cây rau màu...) phù
	4. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:				

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất	4.1 Giống cây so đũa, khuynh diệp...	Cây	200	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ; tham khảo tài liệu tập huấn nông nghiệp hữu cơ	hợp theo yêu cầu sản xuất hữu cơ thì không hỗ trợ - Theo điều kiện canh tác của địa phương
	4.2 Giống cây gừng, sả...	Kg	30		
	5. Phân hữu cơ:				
	5.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	5.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	40		
	5.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	300		
	6. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	5		
Chăm sóc năm thứ hai, ba	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	60		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	350		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		
Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ 2 đến giai đoạn* kinh doanh; *Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	80		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	400		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
sản xuất hữu cơ					

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

6. Mô hình trồng, thâm canh chanh theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản năm thứ 1	1	Giống trồng mới	Cây	500	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	25		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	165	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	165		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	6	Phân sinh học	Lít	20	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	625	TCCS	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	TCCS	
Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	165	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	165		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	4	Phân sinh học	Lít	30	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

7. Mô hình trồng, thâm canh nhãn, xoài, chôm chôm theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05ha /người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
					dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản (năm thứ 1 + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	Giống hỗ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương - Lượng vật tư sử dụng cho từng năm - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	6	Phân sinh học	Lít	15	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	400		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	TCCS	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	4	Phân sinh học	Lít	20	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	TCCS	
Kinh doanh (năm	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	140	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
thứ 4 trở đi)	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210	tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	4	Phân sinh học	Lít	30	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

8. Mô hình trồng, thâm canh nhãn, xoài, chôm chôm hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 05ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017			

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu chất lượng	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất	1. Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, ngọn ghép ≥30cm	Giống chỉ hỗ trợ khi xây dựng mo hình trồng mới
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	20		
	3. Giống cây phân xanh, cây họ đậu (lạc dại) trồng xen làm cây che phủ đất	Kg	100	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ; tham khảo tài liệu tập huấn nông nghiệp hữu cơ (Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm nghiệm FAO)	Trường hợp nhà vườn sử dụng các loại cây trồng khác (vườn cây ăn trái, cây lấy gỗ, cây rau màu...) phù hợp theo yêu cầu sản xuất hữu cơ thì không hỗ trợ
	4. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:				
	4.1 Giống cây so đũa, khuynh diệp,..	Cây	200		
	4.2 Giống cây gừng, sả...	Kg	30		
	5. Phân hữu cơ:				- Theo điều kiện canh tác của địa phương
	5.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	5.2 Phân hữu cơ sinh	Lít	40		

	học (bón qua lá, qua rễ)				
	5.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	300		
	6. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	5		
Chăm sóc năm thứ hai, ba	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	60		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	350		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		
Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ 2 đến giai đoạn Kinh doanh; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	80		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	400		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

9. Mô hình trồng, thâm canh sầu riêng, măng cụt theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤5ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ		Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	200	Cây giống ghép, ngọn ghép ≥30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	10		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	50	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo điều kiện canh tác của địa phương. - Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	200		
	8	Thuốc BVTV	Kg/lít	5	TCCS	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	Kg/lít	6	TCCS	
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	230	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	Kg/lít	6	TCCS	

D. Định mức triển khai mô hình

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

10. Mô hình trồng mới, thâm canh sầu riêng, măng cụt hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤05ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

					xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ			

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất	1. Giống trồng mới	Cây	200	Cây giống ghép, ngọn ghép ≥30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	10		
	3. Giống cây phân xanh, cây họ đậu trồng xen làm cây che phủ đất	Kg	100	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ	Trường hợp nhà vườn sử dụng các loại cây trồng khác (vườn cây ăn trái, cây lấy gỗ, cây rau màu...) phù hợp theo yêu cầu sản xuất hữu cơ thì không hỗ trợ
	4. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:				
	4.1. Giống cây so đũa, khuynh diệp,..	Cây	200		
	4.2. Giống cây gừng, sả,..	Kg	30		
	5. Phân hữu cơ:				- Theo điều kiện canh tác của địa phương
	5.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	5.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	40		
	5.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	300		
	6. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	5		
	1. Phân hữu cơ:				

Thời kỳ	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Chăm sóc năm thứ hai, ba	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	60		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	300		- Theo điều kiện canh tác của địa phương
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		
Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ 2 đến giai đoạn kinh doanh; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	60		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	350		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần		- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	- Thời gian	Ngày	01-03		

2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

11. Mô hình trồng, thâm canh mít theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤5ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ		Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	1	Giống trồng mới	Cây	400		Giống hỗ trợ

Thời kỳ		Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản (năm thứ 1 + năm thứ 2)	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	20	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	khi xây dựng mô hình trồng mới
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	200	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Lượng vật tư sử dụng cho từng năm - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
	6	Phân sinh học	Lít	56	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	400		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	12	TCCS	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	240	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	240		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
	4	Phân sinh học	Lít	75	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	15	TCCS	
Kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	280	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	280		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	280		
	4	Phân sinh học	Lít	112	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	52	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

12. Mô hình trồng, thâm canh mít hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤05ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ; tham khảo tài liệu tập huấn nông nghiệp hữu cơ			

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất	1. Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, ngọn ghép ≥30 cm	Hỗ trợ giống khi xây dựng mô hình trồng mới
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	20		
	3. Giống cây phân xanh, cây họ đậu trồng xen làm cây che phủ đất	Kg	100	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ;	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương - Trường hợp nhà vườn sử dụng các loại cây trồng khác (vườn cây ăn trái, cây lấy gỗ, cây rau màu...) phù hợp theo yêu cầu sản xuất hữu cơ thì không hỗ trợ
	4. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:				
	4.1 Giống cây so đũa, khuynh diệp...	Cây	200		
	4.2 Giống cây gừng, sả,..	Kg	30		
	5. Phân hữu cơ:				
	5.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	5.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	80		
	5.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	250		
	6. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	5		
Chăm sóc năm thứ hai, ba	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	100		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	300		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh	Kg/lít	6		

Thời kỳ	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	học				
Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ 2 đến giai đoạn kinh doanh; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	120		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	350		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	1	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	- Thời gian	Ngày	01-03		

2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

13. Mô hình trồng, thâm canh thanh long kiểu giàn chữ T theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Trồng mới, chăm	1. Giống trồng mới	Hom	5.555	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Hom	278	

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
sóc năm thứ nhất	3. Trụ xi măng	Trụ	1.388	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Định mức Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh chỉ áp dụng cho mô hình thâm canh thanh long
	4. Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	220	
	5. Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	300	
	6. Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150	
	7. Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	
	8. Vôi bột	Kg	550	
	9. Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	
Chăm sóc năm thứ hai	1. Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	440	
	2. Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	440	
	3. Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300	
	4. Phân hữu cơ sinh học	Kg	6.000	
	5. Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	
Chăm sóc năm thứ ba	1. Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	660	
	2. Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	660	
	3. Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	450	
	4. Phân hữu cơ sinh học	Kg	9.000	
	5. Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	
Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh	1. Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	660	
	2. Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	660	
	3. Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	450	
	4. Phân hữu cơ sinh học	Kg	9.000	
	5. Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	- Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	- Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	- Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	- Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

14. Mô hình trồng mới, thâm canh thanh long hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 5ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp phun thuốc bảo vệ thực vật sinh học, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hỗ trợ cho đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu	TCVN 11041-1:2017			

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	chuẩn hữu cơ				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất	1. Giống trồng mới	Hom	5.555	
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Hom	278	
	3. Trụ xi măng	Trụ	1.388	
	4. Giống cây phân xanh, cây họ đậu trồng xen làm cây che phủ đất	Kg	100	Trường hợp nhà vườn sử dụng các loại cây trồng khác (vườn cây ăn trái, cây lấy gỗ, cây rau màu...) phù hợp theo yêu cầu sản xuất hữu cơ thì không hỗ trợ -Theo điều kiện canh tác của địa phương
	5. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:			
	5.1 Giống cây so đũa, khuynh diệp...	Cây	200	
	5.2 Giống cây gừng, sả...	Kg	30	
	6. Phân hữu cơ:			
	6.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12	
	6.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua thân lá, qua rễ)	Lít	80	
	6.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	300	
	7. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	5	
Chăm sóc năm thứ hai,	1. Phân hữu cơ:			
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12	
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua thân lá, qua rễ)	Lít	100	
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	350	

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
ba	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6	
Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ 2 đến giai đoạn kinh doanh; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ	1. Phân hữu cơ:			
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12	
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua thân lá, qua rễ)	Lít	120	
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	500	
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

15. Mô hình trồng, thâm canh chuối theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc thâm canh	1	Giống trồng mới	Cây	2.000	Cây giống cao 70 - 80cm	Hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới - Theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	100		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	276		
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	6	Phân sinh học	Lít	20	TCCS	hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	TCCS	
	9	Túi bao buồng	Bảng/MH	2.000		Hỗ trợ năm thứ hai

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

16. Mô hình trồng, thâm canh thanh trà theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản (năm thứ 1 + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	300	Cây giống ghép, ngọn ghép >30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	15		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	84		- Theo điều kiện canh tác của địa phương Lượng vật tư sử dụng cho từng năm - Các loại đạm, lân, kali nguyên
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	104		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	54		
	6	Phân sinh học	Lít	15	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	1.000		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	TCCS	chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	65		
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	104		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	126		
	4	Phân sinh học	Lít	20	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS	
Kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	185		
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	149		
	4	Phân sinh học	Lít	30	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

17. Mô hình trồng, thâm canh mận theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản năm thứ 1	1	Giống trồng mới	Cây	500	Cây giống nhánh chiết > 40cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	25		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	48		- Theo điều kiện canh tác của địa phương - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	48		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	6	Phân sinh học	Lít	15		ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó - Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
	7	Vôi bột	Kg	1.000	TCCS	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5		
Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	200		
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	4	Phân sinh học	Lít	30	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

18. Mô hình trồng, thâm canh dứa theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 3ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Năm thứ nhất	1. Giống trồng mới	Cây	50.000	TCCS
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	1.000	
	3. Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	460	- Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Các loại phân nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc
	4. Phân lân nguyên chất (P2O5)	Kg	320	
	5. Phân kali nguyên chất (K2O)	Kg	840	
	6. Phân hữu cơ sinh học	Kg	5.000	
	7. Vôi bột	Kg	1.000	

	8. Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KN ngày 28/10/2009 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
Năm thứ hai	1. Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	460	
	2. Phân kali nguyên chất (K2O)	Kg	840	
	3. Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

19. Mô hình trồng, thâm canh cây dứa hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính ≤ 3ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp phun thuốc bảo vệ thực vật sinh học, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô của mô hình	Thực hiện hỗ trợ tùy theo thực tế xây dựng mô hình
2	Hỗ trợ cho đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN 11041-1:2017			

C. Định mức vật tư

Định mức tính cho 01 ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất	1. Giống trồng mới	Cây	50.000	TCCS	
	2. Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	1.000		
	3. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:			TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ	Theo điều kiện canh tác của địa phương
	3.1 Giống cây so đũa, khuynh diệp,..	Cây	200		
	3.2 Giống cây gừng, sả,..	Kg	30		
	4. Phân hữu cơ:				
	4.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	4.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua thân lá, qua rễ)	Lít	120		
	4.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	500		
	5. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	5		
Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ	1. Phân hữu cơ:				
	1.1 Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	1.2 Phân hữu cơ sinh học (bón qua thân lá, qua rễ)	Lít	150		
	1.3. Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	600		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

20. Mô hình sản xuất ươm gốc ghép cây sầu riêng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	22	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01- 03 cán bộ/tháng, tính ≤05 ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô của mô hình	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức tính cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cây con	Cây	100.000		
2	Cây trồng dặm	Cây	5.000		
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	461	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	288		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	361		
6	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Phân bón lá	Kg/lít	10		
8	Thuốc bảo vệ thực vật (gọi tắt Thuốc BVTV)	Kg/lít	25		
9	Vôi	Kg	1.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

21. Mô hình sản xuất ươm gốc ghép chôm chôm

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	15	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	14	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01- 03 cán bộ/tháng, tính ≤ 05 ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô của mô hình	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức tính cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cây con	Cây	100.000		- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Cây trồng dặm	Cây	5.000		
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	307	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	192		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	241		
6	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Phân bón lá	Kg/lít	10		
8	Thuốc BVTV	Kg/lít	25		
9	Vôi	Kg	1.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		

4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

22. Mô hình sản xuất ươm gốc ghép cây mít

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	15	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Quy mô 1 ha
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô của mô hình	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cây con	Cây	140.000		
2	Cây trồng dặm	Cây	7.000		
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	256	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng, theo tiêu chuẩn cơ sở	- Theo điều kiện canh tác của địa phương
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
6	Phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ	Kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Phân bón lá	Kg/lít	10		
8	Thuốc BVTV	Kg/lít	25		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
9	Vôi	Kg	1.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

23. Mô hình sản xuất ươm gốc ghép cây xoài

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	16	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	14	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 05 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô của mô hình	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cây con	Cây	100.000		- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Cây trồng dặm	Cây	5.000		
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	307	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	192		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	241		
6	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Phân bón lá	Kg/lít	10		
8	Thuốc BVTV	Kg/lít	25		
9	Vôi	Kg	1.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần		-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

24. Mô hình sản xuất ươm gốc ghép cây có múi (cây bưởi, cam, quýt, chanh, tắc)

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	16	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	14	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính ≤05ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô của mô hình	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cây con	Cây	150.000		- Theo điều kiện canh tác của địa
2	Cây trồng dặm	Cây	7.500		
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	307	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O	
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	192		

5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	241	tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	phương
6	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Phân bón lá	Kg/lít	10		
8	Thuốc BVTV	Kg/lít	25		
9	Vôi	Kg	1.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

25. Mô hình nuôi dưỡng, ghép cây giống sầu riêng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức tính cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Gốc ghép	Cây	36.000		- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Mắt ghép, cành ghép	Mắt	37.800		
3	Lưới che nắng	m^2	10.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	
4	Bịch vô bầu cây	Bảng/MH	36.000		
5	Giá thể	Kg	30.000		
6	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
7	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
8	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
9	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
10	Phân bón lá	Kg/lít	10		
11	Thuốc BVTV	Kg/lít	20	Tiêu chuẩn cơ sở	
12	Vôi	Kg	500	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

26. Mô hình nuôi dưỡng, ghép cây giống chôm chôm

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01- 03 cán bộ/tháng, ≤05ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Gốc ghép	Cây	40.000		- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Mắt ghép, cành ghép	Mắt	42.000		
3	Lưới che nắng	m^2	10.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	
4	Bịch vô bầu cây	Bảng/MH	40.000		
5	Giá thể	Kg	25.000		
6	Đạm nguyên chất (N)	Kg	130	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
7	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
8	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
9	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.000	TCCS	
10	Phân bón lá	Kg/lít	10		
11	Thuốc BVTV	Kg/lít	20		
12	Vôi	Kg	500	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-02		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

27. Mô hình nuôi dưỡng, ghép cây giống mít

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	8	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Quy mô 1 ha
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Gốc ghép	Cây	40.000		
2	Mắt ghép, cành ghép	Mắt	42.000		- Theo điều kiện canh tác của địa phương
3	Lưới che nắng	m^2	10.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	
4	Bịch vô bầu cây	Bảng/MH	40.000		
5	Giá thể	Kg	25.000		
6	Đạm nguyên chất (N)	Kg	78	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O	
7	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	48		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
8	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60	tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
9	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.000	TCCS	
10	Phân bón lá	Kg/lít	10		
11	Thuốc BVTV	Kg/lít	20		
12	Vôi	Kg	500	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

28. Mô hình nuôi dưỡng, ghép cây giống xoài

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Gốc ghép	Cây	40.000		- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Mắt ghép, cành ghép	Mắt	42.000		
3	Lưới che nắng	m^2	10.000	Phù hợp yêu cầu kỹ thuật	
4	Bịch vô bầu cây	Bảng/MH	40.000		
5	Giá thể	Kg	25.000		
6	Đạm nguyên chất (N)	Kg	130	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
7	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
8	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
9	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.000	TCCS	
10	Phân bón lá	Kg/lít	10		
11	Thuốc BVTV	Kg/lít	20		
12	Vôi	Kg	500	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

29. Mô hình nuôi dưỡng, ghép cây có múi (cây bưởi, cây cam, cây quýt, cây chanh, tắc)

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01- 03 cán bộ/tháng, ≤05ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình

2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Gốc ghép	Cây	40.000		- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Mắt ghép, cành ghép	Mắt	42.000		
3	Lưới che nắng	m^2	10.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	
4	Bịch vô bầu cây	Bảng/MH	40.000		
5	Giá thể	Kg	25.000		
6	Đạm nguyên chất (N)	Kg	130	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
7	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
8	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
9	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	1.000	TCCS	
10	Phân bón lá	Kg/lít	10		
11	Thuốc BVTV	Kg/lít	20		
12	Vôi	Kg	500	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

III. Rau màu (rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả…) (48 định mức)

1. Mô hình sản xuất bắp nếp theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	< 4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy lên luống	Máy	01		
3	Máy gieo hạt	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	12	- TCCS - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	138		

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
6	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	2		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

2. Mô hình sản xuất bắp lai theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	< 4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy the yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy lên luống	Máy	01		
3	Máy gieo hạt	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	20	- TCCS - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân hữu cơ, hữu cơ sinh học	Kg	1.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	200		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
6	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	2		
7	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

3. Mô hình sản xuất bắp rau theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	< 4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05ha ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy gieo hạt	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	40	- TCCS - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	115		

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
6	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	2		
7	Phân bón lá	Lít	2		
8	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

4. Mô hình nhân giống khoai lang

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤02 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy lên luống	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hom giống	Muôn (10.000 hom)	12	- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90		
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
5	Phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh	Kg	700		
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Thuốc BVTV	Kg/lít	2		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

5. Mô hình sản xuất khoai lang theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy lên luống	Máy	01		
3	Máy thu hoạch	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hom giống	Muôn (10.000 hom)	10	- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	-Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90		

4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
6	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	2		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

6. Mô hình sản xuất khoai sọ (khoai môn) theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	7	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính ≤10ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	
2	Máy lên luống	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống (Củ giống)	Kg	1.400	- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	140		
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
5	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	3		
6	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		
7	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

7. Mô hình sản xuất khoai mỡ theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	7	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy lên luống	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Củ giống	Kg	1.200	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	60		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
6	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	3		

7	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

8. Mô hình sản xuất mè theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	30	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	60		
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	75		
5	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	3		
6	Phân hữu cơ	Kg	700		
7	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

9. Mô hình nhân giống đậu nành

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 05 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật yêu cầu thực mô hình	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	60	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	80		
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
5	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	5		
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

10. Mô hình sản xuất đậu nành gieo vãi trên chân đất ướt theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 05 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình ký thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	90	- TCCS,	

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	50	- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
5	Thuốc BVTV	Kg/lít	9		
6	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

11. Mô hình sản xuất đậu nành rau theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật điều kiện yêu cầu thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	100	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	-Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	50		
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
5	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	2		
6	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.500		
7	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

12. Mô hình sản xuất đậu cove, đậu đũa theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	06	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	45	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90		
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
5	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	2		

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
6	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.000		
7	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

13. Mô hình sản xuất đậu bắp theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05 ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	22	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Theo điều kiện Canh tác của địa phương
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.500		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	70		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

14. Mô hình sản xuất dưa hấu theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông.	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT.	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật yêu cầu thực tế mô hình	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống -Hoặc cây giống (9.000 cây)	Kg	0.6	- TCCS - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Tài liệu kỹ thuật trồng và chăm sóc cây dưa hấu (Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam) và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	115		
4	Phân lân nguyên chất	Kg	150		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	(P_2O_5)				
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
8	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

15. Mô hình sản xuất dưa leo, khổ qua theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤3ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật yêu cầu thực tế	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	1. Hạt giống				
	- Dưa leo	Kg	1,0	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Tương đương 29.000 cây (bao gồm cả trồng dặm)
	- Khổ qua	Kg	2,5		Tương đương 25.000 cây (bao gồm cả trồng dặm)
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng…)	Kg	2.000		- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	120		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ	

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Thời gian	Ngày	01-03	thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

16. Mô hình sản xuất cà chua theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hạt giống	Kg	0,25	- TCCS; - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng.	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
-	Hoặc cây giống	Cây	32.000		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	120		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	1.000		
7	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

17. Mô hình sản xuất cà tím theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			- TCCS - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo điều kiện canh tác của địa phương
-	Hạt giống	Kg	0,2		
-	Hoặc cây giống	Cây	22.000		
2	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	138		
3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
4	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	175		
5	Vôi bột	Kg	900		
6	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng…)	Kg	2.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

18. Mô hình sản xuất bí xanh theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			- TCCS - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
-	Hạt giống	Kg	1		
-	Hoặc cây giống	Cây	25.000		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng…)	Kg	2.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	138		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
6	Thuốc BVTV sinh học	Kg/lít	2		
7	Phân bón lá	1.000đ	500		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

19. Mô hình sản xuất bí đỏ theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KN ngày 28/10/2009 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
-	Hạt giống	Kg	0,7		
-	Hoặc cây giống	Cây	7.000		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.500		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	115		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	110		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	102		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		

7	Phân bón lá	1.000đ	500		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

20. Mô hình sản xuất củ sắn theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	12	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy cày (rạch hàng)	Máy	01		

2	Máy rạch hàng cầm tay	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư Định mức tính cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	250	- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo điều kiện canh tác của địa phương.
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	200		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	200		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
6	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

21. Mô hình sản xuất củ cải trắng theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	3	- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo QĐ 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	120		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Phân hữu cơ	Kg	1.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01-03		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

22. Mô hình sản xuất cải bẹ (cải tùa xại) theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
-	Hạt giống	Kg	0,6	- Có thể sử	- Theo QĐ

-	Hoặc cây giống	Cây	60.000	dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 và có điều chỉnh theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.500		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	69		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	78		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Phân bón lá	1.000đ	500		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

23. Mô hình sản xuất bắp cải theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			- TCCS; - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
-	Hạt giống	Kg	0,3		
-	Hoặc cây giống	Cây	29.000		Bao gồm cả trồng dặm
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.500		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	120		- Theo Quy trình sản xuất rau bắp cải an toàn (Trung tâm Khuyến nông quốc gia) có điều chỉnh điều kiện canh tác của địa phương
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	hình				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

24. Mô hình sản xuất cải xà lách xoong theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hạt giống	Kg	10		Trường hợp nhà vườn giống có sẵn thì không hỗ trợ
-	Hoặc hom giống	Kg	12.000		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	32		
6	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

25. Mô hình trồng xà lách xoong theo hướng hữu cơ

25.1. Định mức áp dụng cho ruộng trồng mới

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính ≤03ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, phun thuốc bảo vệ thực vật, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01		

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
	Hạt giống	Kg	10		
	Hom giống	Kg	12.000		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)	Kg	3.000	TCCS	
3	Phân bón lá hữu cơ	Lít	5		
4	Chất điều hòa pH đất (vôi bột, Dolomite,…)	Kg	300		
5	Chế phẩm *Trichoderma*	Kg	10		
6	Thuốc trừ sâu sinh học	Lít/ kg	3		
7	Thuốc trừ bệnh sinh học	Lít/kg	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

25.2. Định mức áp dụng cho ruộng lưu gốc

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, phun thuốc bảo vệ thực vật, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ Thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)	Kg	3.000	TCCS	
2	Phân bón lá hữu cơ	Lít	5		
3	Chất điều hòa pH đất (vôi bột, Dolomite,…)	Kg	300		
4	Chế phẩm *Trichoderma*	Kg	10		
5	Thuốc trừ sâu sinh học	Lít/kg	3		
6	Thuốc trừ bệnh sinh học	Lít/kg	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

26. Mô hình trồng xà lách xoong hữu cơ

26.1. Định mức áp dụng cho ruộng trồng mới

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính ≤03 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mo hình
2	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp phun thuốc bảo vệ thực vật sinh học, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01		
3	Hỗ trợ cho đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN 11041-1:2017			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống				Phân hữu cơ sinh học, vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
		Hạt giống	Kg	10		
		Hom giống	Kg	12.000		
	2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh…)	Kg	4.000	Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và phải đảm bảo chất lượng theo TCCS	
	3	Phân bón lá hữu cơ	Lít	10		
	4	Chất điều hòa pH đất (vôi bột, Dolomite,…)	Kg	500		
	5	Chế phẩm *Trichoderma*	Kg	15		
	6	Thuốc trừ sâu sinh học	Lít/kg	5		

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	7	Thuốc trừ bệnh sinh học	Lít/kg	5		
Năm thứ hai	1	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh…)	Kg	4.000	Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và phải đảm bảo chất lượng theo TCCS	
	2	Phân bón lá hữu cơ	Lít	10		
	3	Chất điều hòa pH đất (vôi bột, Dolomite…)	Kg	500		
	4	Chế phẩm *Trichoderma*	Kg	15		
	5	Thuốc trừ sâu sinh học	Lít/kg	5		
	6	Thuốc trừ bệnh sinh học	Lít/kg	5		

D. Định mức triển khai mô hình

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

26.2. Định mức áp dụng cho ruộng lưu gốc

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính ≤ 03 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp phun thuốc bảo vệ thực vật sinh học, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hỗ trợ cho đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN 11041-1:2017			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh…)	Kg	4.000	Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và phải đảm bảo chất lượng theo TCCS	Phân hữu cơ sinh học, vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	2	Phân bón lá hữu cơ	Lít	10		
	3	Chất điều hòa pH đất (vôi bột, Dolomite…)	Kg	500		
	4	Chế phẩm *Trichoderma*	Kg	15		
	5	Thuốc trừ sâu sinh học	Kg/lít	5		
	6	Thuốc trừ bệnh sinh học	Kg/lít	5		
Năm thứ hai	1	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh…)	Kg	4.000		
	2	Phân bón lá hữu cơ	Lít	10		

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	3	Chất điều hòa pH đất (vôi bột, Dolomite…)	Kg	500		
	4	Chế phẩm *Trichoderma*	Kg	15		
	5	Thuốc trừ sâu sinh học	Kg/lít	5		
	6	Thuốc trừ bệnh sinh học	Kg/lít	5		

D. Định mức triển khai mô hình

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

27. Mô hình trồng xà lách xoong trong nhà lưới

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp phun thuốc bảo vệ thực vật, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01		

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
	Hạt giống	Kg	10		
	Hoặc hom giống	Kg	12.000		
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	32		
5	Phân hữu cơ (sinh học, khoáng vi sinh,…)	Kg	2000	TCTCCS	
6	Vôi bột	Kg	500		
7	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm BVTV sinh học	Kg/lít	5		

D. Định mức triển khai mô hình

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

28. Mô hình sản xuất các loại cải xanh ăn lá theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 3ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống	Kg	9	- TCCS - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ	
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng…)	Kg	1.500		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	35		

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	25	lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	45		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	1.000đ	500		
7	Phân bón lá	Kg/lít	2		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

29. Mô hình sản xuất các loại rau ăn lá theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hạt giống			- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
-	Giống rau dền	Kg	15		
-	Giống mồng tơi	Kg	25		
-	Giống rau muống	Kg	50		
-	Giống xà lách	Kg	0,5		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	1.500		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	138		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	74		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	50		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Phân bón lá	1.000đ	500		
8	Vôi	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01-03		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

30. Mô hình sản xuất hữu cơ với các cây: cải xanh ăn lá, rau dền, mồng tơi

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy lên luống	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				
	- Cải xanh ăn lá	Kg	8-10		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	- Rau dền	Kg	15		
	- Mồng tơi	Kg	25		
2	**Vật tư phân bón** *(lượng như nhau cho các chủng loại)*				
	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.500		
	Phân bón lá hữu cơ	Lít	3		
	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	250		
	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56	Sử dụng Phân lân tự nhiên (Gốc Phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)	
	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	18	Sử dụng Kali (K_2O $\leq 30\%$)	
	Chất điều hòa pH đất	Kg	700	Vôi bột hoặc Dolomit	
3	**Thuốc BVTV** *(lượng như nhau cho các chủng loại)*				
	Trichoderma	Kg	30		
	Bẫy Pheromone	Chiếc	20		
	Xử lý phế phụ phẩm	Đồng	500.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

31. Mô hình sản xuất hành lá theo tiêu chuẩn GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Hạt giống	Kg	6		
	Hoặc hom giống	Kg	3.500		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92		

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

32. Mô hình sản xuất hành lá theo hướng hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy lên luống	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				
	- Hành lá	Kg	6		
	- Hoặc hom giống	Kg	3.500		
2	**Vật tư phân bón**				
	- Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000		
	- Phân bón lá hữu cơ	Lít	3		
	- Phân bón gốc hữu cơ	Kg	250		
	- Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56	Sử dụng Phân lân tự nhiên (Gốc Phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)	
	- Phân Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	75	Sử dụng Kali Sulphate ($K_2O \leq 30\%$)	
	- Chất điều hòa pH đất	Kg	300	Vôi bột hoặc Dolomit	
3	**Thuốc BVTV**				
	- Tricoderma	Kg	30		
	- Chế phẩm sinh học BVTV	Kg/lít	5		
	- Bẫy Pheromone	Chiếc	20		
	- Xử lý phế phụ phẩm	Đồng	500.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

33. Mô hình sản xuất hẹ theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	7	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 3ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy lên luống	Máy	01		

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
-	Hạt giống	Kg	2	- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
-	Hom giống	Kg	4.900		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.000		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	115		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	40		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	30		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Vôi bột	Kg	500		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

34. Mô hình sản xuất ớt cay theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	7	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy lên luống	Máy	01		

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			- Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	- Hạt giống	Kg	0,4		
	- Hoặc cây giống (trồng dặm 5% số cây giống)	Cây	3.675		
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng,…)	Kg	2.500		
3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	138		
4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
6	Thuốc BVTV gốc sinh học	Kg/lít	2		
7	Phân bón lá	1.000đ	500		
8	Vôi	Kg	500		

E. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

35. Mô hình trồng gừng cây nuôi cấy mô

A. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	ĐVT	Định Mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công lao động cán bộ kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01-03 cán bộ/tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

					dựng mô hình

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	18.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
2	Cây trồng dặm	Cây	900		
3	Giá thể trồng	Kg	180.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	
4	Bao trồng	Bảng/MH	18.000		
5	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
6	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	48		
7	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
8	Phân hữu cơ hoặc phân chuồng ủ hoai	Kg	5.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
9	Phân bón lá	Kg/lít	5		
10	Thuốc BVTV	Kg/lít	12		
11	Vôi	Kg	1.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

36. Mô hình sản xuất lạc theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤10ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Bộ	01		
3	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lạc	Kg	220	Từ cấp xác nhận trở lên	
2	Nilon che phủ	Kg	100		
3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	TCCS	

4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.000	TCCS	
7	Vôi bột	Kg	500		
8	Thuốc BVTV	Kg/lít	2		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

37. Mô hình sản xuất sen trồng ruộng, đầm, ao theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống Hoặc Hạt giống	Củ/thân Hạt	2.000 2.500		Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	24		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
5	Vôi bột	Kg	150	TCCS	
6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.500		
7	Thuốc BVTV	Kg/lít	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

38. Mô hình sản xuất, thâm canh cây măng tây theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống				
		Hạt giống (Hạt giống trồng 18.500 + dặm 20%)	Hạt	22.200		Tham khảo quyết

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
		Hoặc cây giống (Trồng dặm 5% số cây giống)	Cây	19.425		định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022
	2	Vật tư làm giàn				
		Cọc	Cây	1.200	Cao 1,5m	
		Sợi dây cước PE	Kg	160		
		Dây buộc (cước PE)	Kg	30		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	288		
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	6	Vôi bột	Kg	4.000	TCCS	
	7	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.500		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
Năm thứ hai	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	288		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	325		
	4	Vôi bột	Kg	2.000	TCCS	
	5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.500		
	6	Thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học	Kg/lít	20		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

39. Mô hình sản xuất măng tây theo hướng hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy lên luống	Máy	01		
3	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, phun thuốc bảo vệ thực vật sinh học, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01		

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	1	Giống				

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất		- Hạt giống (Hạt giống trồng 18.500 + dặm 20%)	Hạt	22.200		Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 Phân hữu cơ sinh học, vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
		- Hoặc cây giống (Trồng dặm 5% số cây giống)	Cây	19.425		
	2	Vật tư làm giàn				
		Cọc	Cây	1.200	Cao 1,5m	
		Sợi dây cước PE	Kg	160		
		Dây buộc (cước PE)	Kg	30		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	288		
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	4.000	TCCS	
	7	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.500		
	8	Chế phẩm BVTV sinh học	Lít/kg	10		
Năm thứ hai	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	288		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	325		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000	TCCS	
	5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	750		
	6	Chế phẩm BVTV sinh học	Lít/kg	10		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

40. Mô hình sản xuất măng tây hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy lên luống	Máy	01		
3	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp phun thuốc bảo vệ thực vật sinh học, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01		
4	Hỗ trợ cho đầu tư xây dựng, cải tạo cơ	TCVN 11041-1:2017			

	sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống				Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
		- Hạt giống (Hạt giống 18.500 hat + trồng dặm 20%)	Hạt	22.200		
		- Hoặc cây giống (Trồng dặm 5% số cây giống)	Cây	19.425		
	2	Vật tư làm giàn				
		- Cọc	Cây	1.200	Cao 1,5m	
		- Sợi dây cước PE	Kg	160		
		- Dây buộc (cước PE)	Kg	30		
	3	Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch			Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và phải đảm bảo chất lượng theo TCCS	
		Giống cây so đũa, khuynh diệp,..	Cây	200		
		Giống cây gừng, sả,..	Kg	30		
	4	Phân hữu cơ:				
		Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
		Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	60		
		Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	500		

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	5	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm BVTV sinh học	Kg/lít	10		
Năm thứ hai	1	Phân hữu cơ			Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và phải đảm bảo chất lượng theo TCCS	
	2	Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	12		
	3	Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	120		
	4	Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	600		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm BVTV sinh học	Kg/lít	15		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

41. Mô hình sản xuất cải bắp (bắp cải) hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy lên luống	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				
- -	Hạt giống Cải bắp Cây giống	Kg Cây	0,4 33.000		Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 có điều chỉnh theo điều kiện thực tế của địa phương.
2	**Vật tư phân bón**				
-	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000		
-	Phân bón lá hữu cơ	Lít	5		
-	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	450		
-	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	84	Sử dụng Phân lân tự nhiên (Gốc Phosphate P_2O_5 ≥28% hoặc Apatit P_2O_5 ≥14%)	
-	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	48	Sử dụng Kali Sulphate (K_2O ≤30%)	
-	Vôi	Kg	700		
3	**Thuốc BVTV**				

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Tricoderma	Kg	30		
-	Chế phẩm sinh học BVTV	Kg/lít	8		
-	Bẫy Pheromone	Chiếc	20		
-	Xử lý phế phụ phẩm	Đồng	2.000.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

42. Mô hình sản xuất cà chua, bí xanh, mướp đắng (khổ qua) hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤03ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 có điều chỉnh theo điều kiện thực tế của địa phương
	- Mướp đắng	Kg	2,5		
	- Cà chua	Kg	0,25		
	- Bí xanh	Kg	1		
2	**Vật tư phân bón**				
	- Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000		
	- Phân bón lá hữu cơ	Lít	5		
	- Phân bón gốc hữu cơ	Kg	400		
	- Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	78	Sử dụng Phân lân tự nhiên (Gốc Phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)	
	- Phân Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120	Sử dụng Kali Sulphate ($K_2O \leq 30\%$)	
	- Vôi	Kg	700	Vôi bột hoặc Dolomit	
3	**Thuốc BVTV**				
	- Tricoderma	Kg	30		
	- Chế phẩm sinh học BVTV	Kg/lít	8		
	- Bẫy Pheromone	Chiếc	30		
	- Xử lý phế phụ phẩm	Đồng	2.000.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

43. Mô hình sản xuất nấm rơm cải tiến ngoài trời an toàn

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 1 người quản lý ≤1500m mô

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha rơm = 150m mô

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
-	Meo giống	Túi phôi	100		Theo điều kiện thực tế của địa phương
2	Nguyên liệu (rơm)	Kg	1.800	1 cuộn rơm nguyên liệu cuộn bằng máy ≥ 12kg	
3	Dinh dưỡng bổ sung	1.000đ	500		
4	Vôi bột	Kg	10		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

44. Mô hình sản xuất nấm rơm trong nhà an toàn

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	3	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 1 người quản lý *≤200 m^2* mô

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giàn, dụng cụ	1.000đ	3.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo điều kiện thực tế xây dựng mô hình
2	Hệ thống tưới	1.000đ	3.000	Máy bơm + dây bơm	
3	Thiết bị đo ẩm độ, nhiệt độ	Thiết bị	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 điểm mô hình 20 m^2nhà trồng

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				Theo điều kiện thực tế của địa phương
-	Meo giống	Túi phôi	100		
2	Nguyên liệu (rơm)	Kg	1.800	1 cuộn rơm nguyên liệu cuộn bằng máy ≥ 12kg	
3	Dinh dưỡng bổ sung	1.000đ	500		
4	Vôi bột	Kg	10		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật	
-	Thời gian	Ngày	01-03		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

45. Mô hình sản xuất nấm (nấm bào ngư, nấm mộc nhĩ, nấm linh chi…)

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	≤4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 1 người quản lý ≤200 m^2

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giàn, dụng cụ	1.000đ	2.000	Phù hợp yêu cầu kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hệ thống tưới	1.000đ	4.000	Máy bơm + dây bơm + phụ kiện lắp đặt	
3	Thiết bị đo nhiệt độ, ẩm độ	Thiết bị	01	Phù hợp yêu cầu kỹ thuật	

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 20 m^2

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				
	- Túi phôi	Túi	3.000		Tình hình thực tế thực hiện mô hình "Trồng nấm trong nhà" thuộc dự án nông nghiệp đô thị 2017-2020

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

46. Mô hình trồng khoai lang theo hướng hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤05ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy lên luống	Máy	01		
3	Máy thu hoạch	Máy	01		
4	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, phun thuốc bảo vệ thực vật, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01		

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hom giống	Muôn (1 muôn = 10.000 dây)	12		Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 có điều chỉnh theo điều kiện thực tế của địa phương
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)	Kg	3.000	TCCS	
3	Phân bón lá hữu cơ	Kg/lít	6		
4	Chất điều hoà ph đất (vôi bột, dolomite,…)	Kg	500		
5	Bẫy Pheromone (bọ hà)	Bẫy	50		
6	Chế phẩm *Trichoderma*	Kg	10		
7	Thuốc trừ sâu sinh học	Kg/lít	5		
8	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	4		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ	

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Thời gian	Ngày	01-03	thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

47. Mô hình trồng khoai lang hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤5ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy lên luống	Máy	01		
3	Máy thu hoạch	Máy	01		
4	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp phun thuốc bảo vệ thực vật sinh học, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01		
5	Hỗ trợ cho đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp	TCVN 11041-1:2017			

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hom giống	Muôn (1 muôn = 10.000 dây)	12		- Phân hữu cơ hỗ trợ liên tiếp 3 vụ để thực hiện chuyển đổi sản xuất. - Phân hữu cơ hỗ trợ tăng dần theo nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng. - Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 có điều chỉnh theo điều kiện thực tế của địa phương
2	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)			Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và phải đảm bảo chất lượng theo TCCS	
	Sản xuất vụ thứ nhất	Kg	3.000		
	Sản xuất vụ thứ hai	Kg	3.500		
	Sản xuất vụ thứ ba	Kg	4.000		
3	Phân bón lá hữu cơ	Lít	6		
4	Vôi	Kg	500		
5	Bẫy Pheromone (bọ hà)	Bẫy	50		
6	Chế phẩm *Trichoderma*	Kg	10		
7	Thuốc trừ sâu sinh học	Kg/lít	5		
8	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	4		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

48. Mô hình trồng tre lấy măng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống				
		Trồng mới	Cây	500		Giống hỗ trợ khi xây dựng mô
		Trồng dặm	Cây	25		

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
						hình trồng mới
	2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	200	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	200		
	4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	5	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)	Tấn	05	TCCS	
	6	Vôi bột	Kg	200		
	7	Thuốc BVTV	Kg/lít	10		
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	300	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	300		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	225		
	4	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)	Tấn	10	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	Kg/lít	5		
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	400	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	400		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	4	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)	Tấn	10	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	Kg/lít	5		
Năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	500	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	500		

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	375	đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	4	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh,…)	Tấn	10	TCCS	
	5	Thuốc BVTV	Kg/lít	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

IV. Cây Hoa kiểng (08 định mức)

1. Mô hình trồng hoa cúc

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	7	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 01 ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy phun thuốc	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**	Cây	350.000		Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng Tham khảo Quyết định số 3073/QĐ-BNN- KHCN, ngày 28/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn.
2	**Vật tư phân bón**				
	- Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.500		
	- Đạm nguyên chất (N)	Kg	92		
	- Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	63		
	- Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	- Phân bón lá	1.000đ	500		
3	**Thuốc BVTV**	Kg/lít	2		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

2. Mô hình trồng hoa hồng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	7	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 01 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	1	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**	Cây	50.000		Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng
2	**Vật tư phân bón**				
-	Phân hữu cơ sinh học	Kg	5.000		
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	460		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	400		Tham khảo Quyết định số 724/QĐ-BNN- KHCN, ngày 09/3/2020 của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn.
-	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	480		
-	Phân bón lá + kích thích sinh trưởng	1.000đ	5.000		
3	**Thuốc BVTV**	Kg/lít	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

3. Mô hình vườm ươm hoa hồng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 0,5 - 01 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy trộn giá thể	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng Tham khảo Quyết định số 3073/QĐ-BNN- KHCN, ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn.
-	Mắt ghép	Mắt	200.000		
-	Gốc ghép	Gốc	200.000		
2	**Vật tư phân bón**				
-	Phân hữu cơ sinh học	Kg	2.000		
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	161		
-	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
-	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
-	Phân bón lá	1.000đ	500		
3	**Thuốc BVTV**	Kg/lít	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

4. Mô hình trồng hoa Đồng tiền chậu

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	05	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 0,5 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy trộn giá thể	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Cây	80.000		Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng
2	Vật tư, phân bón				
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	500		
-	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	500		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	375		Quyết định số 726/QĐ- BNN-KHCN, ngày 24/2/2022 của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn và điều chỉnh theo điều kiện thực tế của địa phương
-	Phân bón lá + kích thích sinh trưởng	1.000đ	5.000		
3	Giá thể (phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa)	Kg	65.000	Tương đương 500m^3	
4	Chậu trồng cây (kích thước: đường kính x chiều cao): 20cm x 22cm	Bảng/MH	80.000		
5	Thuốc BVTV	Kg/lít	3		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

5. Mô hình trồng hoa Lily chậu

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	5	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 0,5 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy trộn giá thể	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống (củ giống)	Củ	150.000	Trồng 3 củ/chậu	Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng Tham khảo Quyết định số 726/QĐ-BNN- KHCN, ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn có điều chỉnh theo điều kiện thực tế của địa phương
2	Vật tư phân bón				
	- Đạm nguyên chất (N)	Kg	500		
	- Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	500		
	- Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	375		
	- Phân bón lá + kích thích sinh trưởng	1.000đ	15.000		
3	Giá thể (phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa)	Kg	50.000	Tương đương 315m^3	
4	Chậu trồng cây (kích thước: đường kính x chiều cao): 20cm x 22cm	Bảng/MH	50.000		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
5	Thuốc BVTV	Kg/lít	5		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

6. Mô hình tắc kiểng, mai vàng, hoa giấy trồng chậu

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	≤ 9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 01 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy trộn giá thể	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**	Cây	40.000		Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng Tham khảo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND, ngày 12/02/2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh và theo điều kiện canh tác thực tế của địa phương
2	**Vật tư phân bón**				
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	119,6		
-	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	21,6		
-	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
-	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000		
-	Giá thể (phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa)	Kg		Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của từng chủng loại	
-	Chậu trồng cây (kích thước: đường kính x chiều cao): 30cm x 50cm	Bảng/MH	40.000		
3	**Thuốc BVTV**	Kg/lít	06		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

7. Mô hình trồng cây kiểng khác trong chậu

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 01 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới	Hệ thống	1	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	1		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn
-	Cây giống	Cây	10.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
-	Trồng dặm	Cây	500		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	**Vật tư phân bón**				hợp với tỷ lệ tương ứng Theo điều kiện thực tế của địa phương
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230		
-	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	140		
-	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	199		
-	Phân bón lá	Kg/lít	10	Tiêu chuẩn cơ sở	
-	Phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng ủ hoai.	Kg	1.500		
-	Vôi	Kg	400		
-	Giá thể	Kg	40.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của từng chủng loại	
-	Chậu trồng cây	Bảng/MH	10.000		
3	**Thuốc BVTV**	Kg/lít	7	Tiêu chuẩn cơ sở	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

8. Mô hình trồng kiểng lá trong chậu (các loại kiểng lá màu)

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤01ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới	Bộ	1	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy phun thuốc	Máy	1		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng -Theo điều kiện thực tế của địa phương
-	Cây giống	Cây	20.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
-	Trồng dặm	Cây	1.000		
2	**Vật tư phân bón**				
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230		
-	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	84		
-	Phân bón lá	Kg/lít	10	Tiêu chuẩn cơ sở	
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg/lít	1.500		
-	Vôi	Kg	400		
-	Giá thể	Kg	15.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của từng chủng loại	
-	Chậu/giỏ trồng cây	Bảng/MH	20.000		
3	**Thuốc BVTV**	Kg/lít	7	Tiêu chuẩn cơ sở	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

V. Các loại cây trồng khác (13 định mức)

1. Mô hình trồng, thâm canh dừa theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 5ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản (năm thứ 1 + năm thứ 2)	1	Giống trồng mới	Cây	250	Cây giống cao >30cm	Giống hỗ trợ xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	12		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Lượng vật tư sử dụng cho từng năm; - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng; - Phân sinh học khi thay
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	225		
	6	Phân sinh học	Lít	16	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	1.000	TCCS	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/ lít	5	TCCS	
	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ 3	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó. Tham khảo Quyết định số 3073/QĐ-BNN- KHCN, ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn.
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	225		
	4	Phân sinh học	Lít	16	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/ lít	6	TCCS	
Kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	225		
	4	Phân sinh học	Lít	16	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/ lít	6	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

2. Mô hình thâm canh dừa xen cây có múi theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 5ha /người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Dừa: 100 cây/ ha				
1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	Lượng phân bón, thuốc BVTV tính cho từng năm
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	32		
3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80		

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	Thuốc BVTV	Kg/lít	03	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Cây trồng xen (Cam, quýt, chanh 200 cây/ha; bưởi: 120 cây/ha)				
1	Vôi	Kg	1.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	Lượng vôi, phân bón, thuốc BVTV tính cho từng năm Tham khảo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	56	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng theo tiêu chuẩn cơ sở	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	32		
4	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.200	Tiêu chuẩn cơ sở	
6	Phân bón lá	Kg/lít	05		
7	Thuốc BVTV	Kg/lít	06		
8	Bao bưởi	Bảng/MH	4.000	Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

3. Mô hình trồng, thâm canh cacao xen dừa

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤5ha /người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Kiến thiết cơ bản (năm thứ 1 + năm thứ 2)	1	**Giống dừa**			TCCS	Giống hỗ trợ xây dựng mô hình trồng mới
		Trồng mới	Cây	125		
		Trồng dặm	Cây	12		- Lượng vật tư sử dụng cho từng năm - Các loại đạm,
	2	**Giống ca cao**				
	3	Trồng mới	Cây	320		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	4	Trồng dặm	Cây	32		lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó Theo điều kiện thực tế của địa phương
	5	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	41		
	6	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
	7	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
	8	Phân sinh học	Lít	15	TCCS	
	9	Vôi bột	Kg	500		
	10	Thuốc BVTV	Kg/lít	4	TCCS	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	64		
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	108		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	4	Phân sinh học	Lít	15	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	TCCS	
Kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	64		
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	108		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	4	Phân sinh học	Lít	15	TCCS	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	6	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

4. Mô hình thâm canh dừa hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 5ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Giai đoạn chuyển đổi năm thứ nhất	1. Phân hữu cơ			Phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11041-2:2017	Theo điều kiện thực tế của địa phương
	- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	- Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	60		
	- Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	400		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật Sinh học	Kg/lít	5		
Giai đoạn chuyển đổi năm thứ hai (năm đánh giá chứng nhận)	1. Phân hữu cơ:				
	- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10		
	- Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	60		
	- Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	400		
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

5. Mô hình trồng, thâm canh dừa hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp phun thuốc bảo vệ thực vật sinh học, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình

C. Định mức vật tư

Định mức cho: 01 ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn Vị tính	Số lượng	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất	- Giống trồng mới	Cây	250	Hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	- Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	12	
	- Giống cây phân xanh, cây họ đậu trồng xen làm cây che phủ đất	Kg	100	Trường hợp nhà vườn sử dụng các loại cây trồng khác (vườn
	- Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng,			

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn Vị tính	Số lượng	Ghi chú
	cây dẫn dụ thiên địch:			cây ăn trái, cây lấy gỗ, cây rau màu...) Phù hợp theo yêu cầu sản xuất hữu cơ thì không hỗ trợ Theo điều kiện thực tế của địa phương
	- Giống cây so đũa, khuynh Diệp...	Cây	200	
	- Giống cây gừng, sả...	Kg	30	
	- Phân hữu cơ:			
	- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10	
	- Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	40	
	- Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	250	
	- Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	5	
Chăm sóc năm thứ hai, ba	1. Phân hữu cơ:			
	- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10	
	- Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	40	
	- Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ)	Kg	250	
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	6	
Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ	1. Phân hữu cơ:			
	- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ)	Tấn	10	
	- Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ)	Lít	60	
	- Phân khoáng hữu cơ (bónqua rễ)	Kg	400	
	2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	7	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

6. Mô hình trồng, thâm canh gấc theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 5ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc thâm canh	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, ngọn ghép >20cm	- Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới. - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng; - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó. Theo điều kiện thực tế của địa phương
	2	Giống trồng dặm (5% giống trồng mới)	Cây	20		
		Trụ bê tông (dài 2,5m)	Trụ	800		
		Lưới làm giàn	Kg	100		
		Dây kẽm (3,4mm)	Kg	100		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	64		
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	36		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	48		
	6	Phân sinh học	Lít	20	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	8	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

7. Mô hình trồng, thâm canh đinh lăng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 5ha /người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật...	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc	1	Hom giống	Hom	30.000	Hom giống khỏe mạnh, chiều cao từ 25 - 30	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	2	Hom trồng dặm (5% giống trồng mới)	Hom	1.500		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
thâm canh					cm, cây có 3 - 4 lá	Theo điều kiện thực tế của địa phương - Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	62		
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	106		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	68		
	6	Phân sinh học	Lít	20	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	800		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	3	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

8. Mô hình trồng, thâm canh nưa theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 5ha /người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Trồng mới, chăm sóc thâm canh	1	Củ giống	Tấn	6,5	Củ tròn đều, đường kính 4-7cm giống khỏe mạnh không bị sâu bệnh, trầy xước	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	315		- Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	290		

	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng - Phân sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân hữu cơ sinh học dạng rắn thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó Theo điều kiện canh tác của địa phương
	6	Phân sinh học	Lít	20	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	250		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg/lít	12	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

9. Mô hình sản xuất cây lác

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 3ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	*** Lác giống có sẵn**				
1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	115	- TCCS, - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	- Theo điều kiện canh tác của địa phương
2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	18		
3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	36		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

10. Mô hình sản xuất cây mía đường

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤10 ha/ người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy cày (rạch hàng)	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế
2	Máy rạch hàng cầm tay	Máy	01		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống (trồng mới)	Kg	10.000	TCCS	Hỗ trợ xây dựng mô hình trồng mới Theo điều kiện thực tế của địa phương
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	300	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P_20_5)	Kg	150		
5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	260		
6	Vôi bột	Kg	500	TCCS	
7	Phân chuồng hoai	Tấn	70	TCCS	
8	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000	TCCS	
9	Thuốc BVTV	Kg/lít	40	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

11. Mô hình sản xuất cỏ thâm canh phục vụ chăn nuôi

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 5 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1					
2					

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				
	- Giống cỏ thân đứng (Cỏ Voi)	Kg	7.000		Theo điều kiện canh tác thực tế của địa phương
	- Giống cỏ thân bụi, thân bò				
	+ Dùng hom	Kg	5.000		
	+ Dùng hạt (Ghinê, Stylo)	Kg	7		
	- Cỏ hỗn hợp, Sweet Jumbo, Superdan	Kg	10		
2	**Vật tư phân bón**				
2.1	Đạm nguyên chất (N)				
	- Cỏ thân đứng, hỗn hợp, Sweet Jumbo, Superdan,…	Kg	85		
	- Cỏ thân bụi, thân bò	Kg	75		
2.2	Phân Lân nguyên chất (P_2O_5)				
	- Cỏ thân đứng, hỗn hợp, Sweet Jumbo, Superdan,…	Kg	10		
	- Cỏ thân bụi, thân bò	Kg	8		
2.3	Phân Kali nguyên chất (K_2O)				
	- Cỏ thân đứng, hỗn hợp, Sweet Jumbo, Superdan…	Kg	120		
	- Cỏ thân bụi, thân bò	Kg	90		
3	Phân hữu cơ (sinh học, vi sinh, khoáng…)	Kg	2.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

12. Mô hình sản xuất cây dâu tằm theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤10ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Hệ thống	01		
3	Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp sản xuất theo tiêu chuẩn vietgap	TCVN (Thực hành nông nghiệp tốt vietgap)			

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống dâu trồng mới	Cây	40.000		Giống hỗ trợ xây dựng mô hình trồng mới
	2	Giống dâu trồng dặm	Cây	2.000		
	3	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022 có điều chỉnh theo điều kiện thực tế của địa phương
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	6	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.000	TCCS	
	7	Vôi bột	Kg	1.000		
Năm thứ hai	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	130		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.500	TCCS	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

13. Mô hình trồng, thâm canh chanh leo (cây chanh dây, lạc tiên) theo GAP

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính ≤ 5ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
2	Máy lên luống	Máy	01		
3	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, phun thuốc bảo vệ thực vật, dinh dưỡng qua lá, qua rễ	Hệ thống	01		

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới	Cây	1.300	Cây giống ghép, ngọn ghép ≥30cm	Giống hỗ trợ khi xây dựng mô hình trồng mới.
	2	Giống trồng dặm	Cây	60		
	3	Cột bê tông	Cột	500		
	4	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	70	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N,	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón
	5	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	6	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360	P_2O_5, K_2O tương ứng	dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó. Tham khảo quyết định 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022
	7	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000	TCCS	
	8	Chế phẩm sinh học	Lít, kg	60		
	9	Vôi bột	Kg	1.000		
	10	Thuốc BVTV	Kg/lít	5		
Năm thứ hai	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	185	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	2	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	660		
	3	Chế phẩm sinh học	Lít, kg	80	TCCS	
	4	Thuốc BVTV	Kg/lít	6		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

VI. Mô hình ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ sinh học, công nghệ cao (10 định mức)

1. Mô hình ứng dụng nhà lưới phục vụ trồng rau, trồng hoa

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 07 hệ thống/cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức vật tư, thiết bị cho 1 điểm mô hình có diện tích lắp đặt 200m²

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Thời kỳ	Ghi chú
1	Khung nhà lưới	Bộ	1	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Trồng mới, thâm canh rau, hoa	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đầu tư xây dựng hệ thống nhà lưới theo đúng chiết tính thiết kế chi tiết điểm tham gia mô hình
2	Vật tư, thiết bị lắp đặt nhà lưới (lưới, dây kẽm, neo, dây cáp, tăng đưa, phụ kiện, vật tư, thiết bị lắp đặt nhà lưới…)	Hệ thống	1			

C. Định mức, giống vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1					
2					

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ	

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Thời gian	Ngày	01-03	thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

2. Mô hình ứng dụng thiết bị bay không người lái (máy bay nông nghiệp) trong sản xuất cây ăn trái

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	12	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 10 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức cho 30 ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị bay không người lái (máy bay nông nghiệp): phun dung dịch dinh dưỡng, thuốc bảo vệ thực vật...	Thiết bị	1	Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 830: 2022/BVTV khảo nghiệm trên đồng ruộng thuốc bảo vệ thực vật phòng chống sinh vật gây hại cây trồng bằng thiết bị bay không người lái	Theo điều kiện thực tế của địa phương

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

3. Mô hình ứng dụng thiết bị tự động trong quản lý dinh dưỡng trên cây trồng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	12	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤03 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức cho 1 ha

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Hệ thống giám sát: nhiệt độ, độ ẩm, độ dẫn điện của đất (EC) và ph đất					
1	Thiết bị trung tâm nhận dữ liệu từ các bộ cảm biến	Bộ	1	TCCS	Theo điều

2	Bộ cảm biến đo nhiệt độ - độ ẩm - độ dẫn điện (EC) trong đất	Bộ	1		kiện thực tế của địa phương
3	Bộ cảm biến ph đất	Bộ	1		
4	Phần mềm giám sát, điều khiển từ xa	Bộ	1		
5	Tủ điện	Bảng/MH	4		
6	Dây điện	m	400		
Hệ thống tưới nước và châm phân					
7	Bơm 3HP	Bảng/MH	1	TCCS	
8	Lọc dĩa (bộ lọc cặn)	Bộ	1		
9	Bộ châm phân	Bộ	1		
10	Đồng hồ đo áp	Bảng/MH	1		
11	Ống tưới (PVC) Ø 60 mm	m	2.000		
12	Ống tưới (HĐPE) Ø 5mm	m	500		
13	Béc	Bảng/MH	400		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

4. Mô hình "áp dụng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp hòa dinh dưỡng trong sản xuất cây ăn trái, rau màu, hoa kiểng"

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	≤ 9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤03 ha/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức vật tư, thiết bị cho 1 điểm mô hình có diện tích lắp đặt ≥ 0,3 ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước (mô tơ điện 2 HP - 3 HP), động cơ bơm nước chạy xăng hoặc dầu...)	Bộ	1	Phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện thực tế	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước kết hợp hòa dinh dưỡng theo đúng chiết tính thiết kế chi tiết khu tưới của từng hộ tham gia mô hình, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha Theo điều kiện thực tế của địa phương
2	Vật tư lắp đặt (ống PVC, ống ldpe, hdpe, ống pc, béc tưới, phụ kiện, vật tư thiết bị lắp đặt hệ thống tưới, vật tư thiết bị điện cung cấp nguồn điện…)	Hệ thống	1		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

5. Mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trên cây ăn trái

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	≤ 5ha /vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hòa dinh dưỡng, phun thuốc bảo vệ thực vật,..	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Thực tiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Chăm sóc thâm canh	1	Cây trồng dẫn dụ thiên địch có ích (sao nhái, hướng dương, cúc…); cây trồng xua đuổi côn trùng có hại (cúcvạn thọ, sả…)	Cây	600	Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN11041-1:2017 và TCVN11041-2:2017 TCCS	Thiên địch được cung cấp từ các viện, trường, trung tâm dịch vụ, nông hộ
	2	Thiên địch (bọ đuôi kìm, ong ký sinh...	Con	2.000		
	3	Chế phẩm sinh học	Lít	30		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000	TCCS	Theo điều kiện thực tế của địa phương
	5	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Kg/lít	10		
	6	Bẫy màu để theo dõi các đối tượng	Bảng/MH	20		
	7	Bẫy Pheromone và bã thu hút côn trùng	Bộ	20		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

6. Mô hình nhân nuôi ong ký sinh trong quản lý vùng trồng an toàn dịch hại

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	7	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01-02 điểm trình diễn/người

B. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 01 hộ

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Tài liệu viện dẫn	Ghi chú
1	Giống Ong ký sinh	Mummy	100	Quyết định số: 429/QĐ-BVTV-KH, ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Cục Bảo vệ thực vật V/v ban hành định mức vật tư, thiết nuôi bọ đuôi kìm và ong ký sinh phục vụ phòng chống bọ cánh cứng hại dừa	- Không bị nấm ký sinh - Sau 6 tháng nhân nuôi đạt 2.000 mummy/hộ Theo điều kiện thực tế của địa phương
2	Dụng cụ nhân nuôi				
-	Khay nhựa	Bảng/MH	5		
-	Bình xịt lớn (2 lít)	Bảng/MH	01		
-	Kéo cắt cành	Bảng/MH	02		
-	Kéo cắt lá	Bảng/MH	02		
-	Kệ (giá) đựng hộp nhân nuôi	Bảng/MH	02		
-	Vải voan	m	03		
-	Ống nghiệm	Bảng/MH	20		
-	Hộp nhựa nuôi bọ dừa, ong ký sinh	Bảng/MH	40		
3	Thức ăn nhân nuôi	Kg	05		
	- Mật ong	Lít	0,5		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

7. Mô hình nhân nuôi bọ đuôi kìm trong quản lý vùng trồng an toàn dich hại

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	6	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01-02 điểm/ người

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 hộ

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống Bọ đuôi kìm	Con	100	Con giống phải ở tuổi trưởng thành và khỏe mạnh Quyết định số: 429/QĐ-BVTV-KH, ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Cục Bảo vệ thực vật V/v ban hành định mức vật tư, thiết bị, nhân công để nhân nuôi bọ đuôi kìm và ong ký sinh phục vụ phòng chống bọ cánh cứng hại dừa	Tham khảo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn có điều chỉnh theo điều kiện thực tế của
2	Dụng cụ nhân nuôi				
	Hộp nhựa nuôi bọ đuôi kiềm	Bảng/MH	30		
	Thùng nhựa nuôi bọ đuôi kiềm	Bảng/MH	15		
	Thùng nhựa nuôi bọ đuôi kiềm	Bảng/MH	15		
	Hộp nhựa tròn nhỏ (chứa bông giữ ẩm, chứa thức ăn)	Bảng/MH	180		
	Cối xay sinh tố	Bảng/MH	01		

TT	Tên giống, vật tư, máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Kệ (giá) đựng thùng nhân nuôi	Bảng/MH	01		địa phương
	Bông gòn	Kg	01		
	Vải voan	m	10		
	Dây thung	m	30		
3	Thức ăn nhân nuôi	Kg	7		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	**Lần**	**01**	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

8. Mô hình sản xuất rau ăn lá các loại bằng phương pháp thủy canh trong nhà màng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	4	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	≤ 03	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 cán bộ/MH

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức cho 1.000m^2/mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	**Máy móc, thiết bị cần thiết**				
1	Hệ thống nhà màng	m^2	1.000	- Nhà màng 1 mái hở hoặc mái vòm. Khung kèo thép mạ kẽm, tải gió 108km/h. Chiều cao đỉnh mái từ 5-7m - Hệ thống khung sắt hộp mạ kẽm; sắt; vật liệu cứng khác - Màng PE mái: độ dày 100-150 micron - Lưới côn trùng: loại lưới 50 MESH - Cửa 2 lớp: cửa cách ly 2 lớp, kích thước (rxc: 1000 x 2000). Vách dùng lưới côn trùng 50 MESH, mái dốc dùng màng - Cột chính 60 x 60 mm dày 1,4 mm - Cột phụ thép hộp 60 x 60 mm dày 1,4 mm - Xà ngang đỡ vòm hộp 40 x 40 mm dày 1,4 mm. - Thanh uốn vòm Ø 42 x 1,4 mm - Giằng đỉnh 30 x 30 mm dày 1,1 mm - Giằng vòm, chống vòm Ø 34 x 1,4 mm - Giằng bao quanh hộp 30 x 30 mm dày 1,1 mm	
2	Hệ thống lưới cắt nắng tự động	m^2	1.000	- Lưới cắt nắng màu xanh hoặc đen 70% - Hệ thống thanh ray: + Sắt D27 + Bát treo, ghim đầu bạt	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				+ Thanh nhôm nẹp lưới + Móc treo lưới + Dây cáp nhựa đỡ lưới + Đối trọng giữ lưới + Hệ thống tủ điện điều khiển motor - Motor tời cuốn đảo chiều thu, dài lưới	
3	Quạt đối lưu: Lưu lượng tối thiểu 1.600 m^3/h, AC220V 50Hz. Điều khiển bằng tủ điện chuyên dụng			- Đường kính quạt 800 x 800 x 300 mm - Tủ điện điều khiển công tắc tay - Thép phụ trợ, cáp điệm + phụ kiện lắp đặt - Công lắp đặt	
4	Giàn thủy canh	Bộ	50	- Kích thước giàn (dxrxc): 5.800 x 2.000 x 1.200mm - Mỗi giàn 01 tần để 10 ống thủy canh, mỗi ống dài 6m - Đầu thoát được thiết kế để thuận tiện vệ sinh, tháo rời, di chuyển. Bao gồm: + Khung đỡ ống thủy canh + Khung sắt hộp vuông 30x30 mm dày 1,2 mm + Bê tông chống lún + Phụ kiện ống thủy canh gồm: đầu bịt, đầu thoat cho ống thủy canh, zon cao su khởi thủy, dây dẫn nước + ống thủy canh lục giác + Rọ trồng thủy canh	
5	Hệ thống cấp, hồi, máy bơm, bồn chứa, nhà điều hành	m^2	25	- Bồn chứa dinh dưỡng. - Hệ thống máy bơm hồi lưu - Máng hồi PVC - vật tư thi công và gia công, lắp đặt	
6	Giàn ươm thủy canh	Bộ	03	- Kich thước (dcxrxc): 3.000 x 1.500 x 800 mm - Khung sắt hộp vuông 30x30 mm dày 1,2 mm + Máng ươm chuyên dụng	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				+ Hệ thống cấp nước cho giàn ươm - Vật tư thi công và gia công, lắp đặt	
7	Thiết bị đo lường	Bộ	01	- Bút đo TDS&EC - Bút đo ph	
II	**Các hạng mục phụ trợ (khuyến khích sử dụng)**				
1	Thiết bị châm phân tự động	Bộ	01	Chất liệu: nhựa cao cấp Lưu lượng hút trộn phân kèm dòng nước: 100-300 L/h Áp suất hao hụt: 10% tổng áp suất chung của bơm	
2	Hệ thống điều khiển máy bơm và thiết bị châm phân tự động	Bộ	01	Hệ thống máy tự động	
3	Hệ thống tạo oxy, làm mát dinh dưỡng	Bộ	01	Máy tạo oxy, dây dẫn, đá sục khí	
4	Hệ thống phun sương và bộ điều khiển trung tâm	Bộ	01	Máy bơm (2-3 Bảng/MH, động cơ 2HP); bồn (kim loại, nhựa hoặc bê tông) đầu phụ, ống, dây và phụ kiện khác	
5	Hệ thống kiểm soát ẩm độ, không khí, nhiệt độ	Bộ	01	Máy đo chuyên dụng	
6	Khu xử lý giá thể và các vật liệu có liên quan	Khu	01	Quy cách nhà tiền chế hoặc nhà cấp 4	

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1.000m^2/mô hình

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				
	- Hạt giống F1	Kg	0,7 – 1,0	Tỷ lệ nảy mầm ≥ 95%	Lượng hạt giống yêu cầu bằng mật độ

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
					trồng thêm 10% hao hụt
2	**Vật tư, phân bón**				
	- Dung dịch dinh dưỡng thủy canh	Bộ	01		
	- Giá thể	Miếng/viên	3.000	Mút xốp, sơ dừa…	
	- Rọ trồng	Bảng/MH	3.000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

9. Mô hình trồng rau ăn quả, củ bằng phương pháp bán thuỷ canh/tưới nhỏ giọt trong nhà màng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	10	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	≤ 9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 cán bộ/MH

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức cho 1.000m^2/mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	**Máy móc, thiết bị cần thiết**				
1	Hệ thống nhà màng	Hệ thống	01	- Nhà màng 1 mái hở hoặc mái vòm. Khung kèo thép mạ kẽm, tải gió 108km/h. Chiều cao đỉnh mái từ 5-7m… Khẩu độ 8m. Tải trọng treo 25 kg/m^2 - Hệ thống khung sắt hộp mạ kẽm - Vòm kèo hệ D24 dày 1,4 mm - Cột đầu hồi: hộp 60 x 60 mm dày 1,4 mm - Móng - cột: Móng cột chính đào sâu 600mm, đường kính hố móng 300mm - Máng xối thoát nước: 480mm, được gắn trên hệ cột chính của nhà, chiều cao 4-5 m tính từ mặt đất - Hệ kèo mái: D24 dày 1,4mm - Màng PE mái: độ dày 100-150 micron - Lưới côn trùng: loại lưới 50 MESH - Cửa 2 lớp: cửa cách ly 2 lớp, kích thước (rxc: 1000 x 2000). Vách dùng lưới côn trùng 50 MESH, mái dốc dùng màng - Cột chính 60 x 60 mm dày 1,4mm - Cột phụ thép hộp 60 x 60 mm dày 1,4mm - Xà ngang đỡ vòm hộp 40 x 40 mm dày 1,4 mm.	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				- Thanh uốn vòm Ø 42 x 1,4 mm - Giằng đỉnh 30 x 30 mm dày 1,1 mm - Giằng vòm, chống vòm Ø 34 x 1,4 mm - Giằng bao quanh hộp 30 x 30 mm dày 1,1 mm	
2	Hệ thống lưới cắt nắng tự động	Hệ thống	01	- Lưới cắt nắng màu xanh hoặc đen 70% - Hệ thống thanh ray: + Sắt D27 + Bát treo, ghim đầu bạt + Thanh nhôm nẹp lưới + Móc treo lưới + Dây cáp nhựa đỡ lưới + Đối trọng giữ lưới + Hệ thống tủ điện điều khiển motor - Motor tời cuốn đảo chiều thu, dài lưới	
3	Quạt đối lưu: Lưu lượng tối thiểu 1.600 m^3/h, AC220V 50Hz. Điều khiển bằng tủ điện chuyên dụng	Chiếc	06	- Đường kính quạt 800 x 800 x 300 mm - Tủ điện điều khiển công tắc tay - Thép phụ trợ, cáp điệm + phụ kiện lắp đặt - Công lắp đặt	
4	Hệ thống tưới nhỏ giọt				
-	Bộ điều khiển trung tâm	Bộ	1	Tự động hoặc bán tự động	
-	Máy bơm	Bảng/MH	2-3	Động cơ 1,5 - 2 HP	
-	Bồn chứa nước, dinh dưỡng	Bảng/MH	04	Kim loại, nhựa, vật liệu khác tương đương	
-	Đầu cắm, ống, dây tưới và phụ kiện khác	Bộ	01	Ống tưới đường kính Ø 12 - 16mm	
-	Máng hồi PVC	Bộ	01		
-	Vật tư thi công và gia công, lắp đặt	Bộ	01		
5	Giàn ươm cây con	Bộ	03	- Kich thước (dcxrxc): 3.000 x 1.500 x 800 mm	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				- Khung sắt hộp vuông 30x30 mm dày 1,2 mm. + Máng ươm chuyên dụng + Hệ thống cấp nước cho giàn ươm - Vật tư thi công và gia công, lắp đặt	
6	Thiết bị đo lường	Bộ	01	- Bút đo TDS&EC - Bút đo ph	
II	**Các hạng mục phụ trợ (khuyến khích sử dụng)**				
1	Hệ thống thông gió	Hệ thống	01		
2	Hệ thống lưới cắt nắng	Hệ thống	01		
3	Hệ thống kiểm soát ẩm độ, không khí, nhiệt độ	Bộ	01	Máy đo chuyên dụng	
4	Hệ thống tưới phun:				
-	Bộ điều khiển trung tâm	Bộ	01	Tự động hoặc bán tự động	
-	Máy bơm	Bảng/MH	2-3	Động cơ 1,5 - 2 HP	
-	Bồn chứa nước	Bảng/MH	01	Kim loại, nhựa, bê tông hoặc các vật liệu khác tương đương	
-	Đầu phun, ống, dây tưới và phụ kiện khác	Bộ	01		
5	Máy móc, thiết bị, công nghệ thông tin	Hệ thống	01		
6	Ong	Thùng	1-2	3 - 4 cầu Ong trong 01 thùng	
7	Bẫy côn trùng	Bảng/MH	≥10		
8	Khu xử lý giá thể và các vật liệu có liên quan	Khu	01	Quy cách nhà tiền chế hoặc nhà cấp 4	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
9	Kho đựng dụng cụ lao động, vật tư nông nghiệp	m^2	9		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1.000m^2/mô hình

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				Hỗ trợ tùy theo điều kiện thực tế yêu cầu xây dựng mô hình
	- Hạt giống F1	Kg	0,7 - 1,0	Tỷ lệ nảy mầm ≥ 95%	Lượng hạt giống yêu cầu bằng mật độ trồng thêm 10% hao hụt
2	**Vật tư, phân bón**				
-	Phân bón, dinh dưỡng tưới nhỏ giọt	Kg (lít)	765	Hàm lượng dinh dưỡng cơ bản: N; K_2O; P_2O_5; Mg, Mn, Cu, Zn, B; Mo, Ca; Fe.	Tương đương: Ure 15 kg, KH_2PO_4 80 kg, $Ca(NO_3)_2.4H_2O$ 255 kg, KNO_3 155 kg, $mgso_4.7H_2O$ 180 kg, K_2SO_4 65 kg, Chelated-Fe 08 kg, H_3BO_3 01 kg, $(NH_4)6moo_{24}.2H_2O$ 0,1 kg, $mnso_4.4H_2O$ 01 kg, $znso_4$ 01 kg, $cuso_4.5H_2O$ 0,5 kg. Có thể sử dụng phân bón, dinh dưỡng chuyên dùng cho cây rau.
-	Thuốc BVTV	Kg/lít	05	Sinh học, hóa học	
-	Giá thể	m^3	39-41	Mụn dừa, phân trùn quế, phân hữu cơ sinh học, chế phẩm vi sinh, tro trấu...	
-	Vôi	Kg	300	100 gram/gốc	
-	Túi đóng bầu	Bảng/MH	3.000	Nhựa, vật liệu	Chứa giá thể trồng cây

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				khác tương đương	
-	Sợi SE nông nghiệp	Dây	3.000	Dây dài 2-3m	Chịu lực tốt
-	Móc treo dây	Bảng/MH	3.000	Nhựa, thép không rỉ, vật liệu khác tương đương	
-	Kẹp thân	Bảng/MH	15.000	Nhựa hoặc vật liệu khác tương đương	
-	Móc trái	Bảng/MH	3.000-6.000	Nhựa hoặc vật liệu khác tương đương	Có thể tận dụng bằng vật liệu khác thay thế
-	Khay ươm cây	Bảng/MH	20 - 40	Nhựa, mút xốp, vật liệu khác	Khay 49-112 lỗ trồng
-	Bút đo EC	Bảng/MH	01		
-	Bút đo ph	Bảng/MH	01		
-	Bình phun thuốc	Bảng/MH	01	Có động cơ	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	-Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		

10. Mô hình trồng rau màu hoặc các loại cây trồng khác trong nhà lưới

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Tháng	12	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	≤ 12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 cán bộ/MH

B. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức cho 1.000m^2/mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	**Máy móc, thiết bị cần thiết**				
1	Hệ thống nhà lưới	Hệ thống	01	- Nhà lưới 1 mái hở hoặc mái vòm. Khung kèo thép mạ kẽm, tải gió 108km/h. Chiều cao đỉnh mái từ 3,5-4,5m - Hệ thống khung xà gồ thép - Vòm kèo thép hộp dày 1,2 mm - Cột đầu hồi: hộp 60 x 60 mm dày 1,4 mm - Móng - cột: Móng cột chính đào sâu 400mm nổi 200mm, kích thước móng trụ d200x600mm - Hệ kèo mái: D24 dày 1,2mm - Lưới côn trùng: loại lưới 24 MESH	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
				- Cửa 2 lớp: cửa cách ly 2 lớp, kích thước (rxc: 1000 x 2000mm). Vách dùng lưới côn trùng 24 MESH, mái dốc dùng màng - Cột chính thép hộp 40 x 40 mm dày 1,2mm - Cột phụ (chỏi) thép hộp 20 x 20 mm dày 1,2mm. - Xà ngang đỡ vòm hộp 40 x 40 mm dày 1,2 mm. - Thanh uốn vòm Ø 42 x 1,2 mm - Chóng xiên thép hộp 20 x 20 mm dày 1,2 mm	
2	Hệ thống tưới				Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế xây dựng mô hình
-	Đường ống chính: ống nhựa PVC	m	28	PVC D60, đoạn ống dài 6m	
-	Ống nhựa HDPE	m	320	Ống nhựa HDPE; đường kính ống 20mm	
-	Béc tưới phun mưa	Bảng/MH	96	Phun mưa 100-150L/H	
-	Máy bơm nước	Bảng/MH	01	Máy bơm nước 2HP	
-	Bộ lọc nước D60	Bộ	01		
-	Bồn chứa nước	Bảng/MH	01	Kim loại, nhựa, bê tông hoặc các vật liệu khác tương đương	
-	Vật tư thi công và gia công, lắp đặt	Bộ	01		
3	Bình phun thuốc				
4	Công tác khác	Lượt	01	Vận chuyển vật tư, trang thiết bị kỹ thuật đến vị trí thi công nhà lưới	
II	**Các hạng mục phụ trợ (khuyến khích sử dụng)**				Thực hiện hỗ trợ tùy theo yêu cầu thực tế

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
					xây dựng mô hình
1	Giàn ươm cây con	Bộ	03	- Kich thước (dcxrxc): 3.000 x 1.500 x 800 mm - Khung sắt hộp vuông 30x30 mm dày 1,2 mm + Máng ươm chuyên dụng + Hệ thống cấp nước cho giàn ươm - Vật tư thi công và gia công, lắp đặt	Theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình
2	Ong	Thùng	1-2	3 - 4 cầu Ong trong 01 thùng	
3	Bẫy côn trùng	Bảng/MH	≥10		
4	Khu xử lý giá thể và các vật liệu có liên quan	Khu	01	Quy cách nhà tiền chế hoặc nhà cấp 4	
5	Kho đựng dụng cụ lao động, vật tư nông nghiệp	m^2	9		

C. Định mức, giống vật tư

Định mức cho 1.000m^2/mô hình

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Giống**				
-	Hạt giống, cây giống	Kg/cây		Theo yêu cầu từng chủng loại cây trồng	
2	**Vật tư, phân bón**				
-	Phân bón (hóa học, hữu cơ)	Kg (lít)		Theo yêu cầu từng chủng loại cây trồng	Căn cứ theo định mức kinh tế kỹ thuật đã xây dựng cho từng chủng loại cây trồng
-	Thuốc BVTV	Kg (lít)		Theo yêu cầu từng chủng loại cây trồng	

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Vật tư khác (vôi, giá thể…)			Theo yêu cầu từng chủng loại cây trồng	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
-	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày	01-03		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN
3	**Hội thảo nhân rộng mô hình**	Hội thảo/MH	01		
4	**Pano tuyên truyền**	Bảng/MH	01		